

QUASI-CONTRACT: GÓC NHÌN TỪ PHÁP LUẬT ANH QUỐC VÀ LIÊN HỆ VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Hà Công Anh Bảo*
Phùng Kim Khánh**

Tóm tắt: *Quasi-contract* là một khái niệm pháp lý trong hệ thống pháp luật *Common Law*, nhằm giải quyết các tình huống mà một bên nhận được lợi ích từ bên khác mà không có hợp đồng chính thức. Ở Việt Nam, không có khái niệm này nhưng vẫn có một số quy định tương tự trong việc hoàn trả tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015. Bài viết phân tích khái niệm *Quasi-contract* trong hệ thống pháp luật Anh, đồng thời so sánh với các quy định tương tự trong pháp luật Việt Nam, nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống pháp lý này.

Từ khóa: *Quasi contract, chuẩn hợp đồng, hoàn trả, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.*

Abstract: *Quasi-contract is a legal concept in the Common Law system, designed to resolve situations in which one party receives a benefit from another without the existence of a formal contract. In Vietnam, this concept is not explicitly recognised; however, the 2015 Civil Code contains provisions with comparable functions, particularly regarding restitution and non-contractual compensation. This article analyzes the concept of quasi-contract in the English legal system and compares it with analogous provisions in Vietnamese law, thereby clarifying the similarities and differences between the two legal frameworks.*

Keywords: *Quasi-contract, restitution, non-contractual compensation.*

1. Đặt vấn đề

Quasi-contract, hay còn gọi là “chuẩn hợp đồng”, là một khái niệm pháp lý trong hệ thống pháp luật *Common Law*¹, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của các bên khi không có hợp đồng chính

thức giữa họ². Trong khi hệ thống pháp luật *Common Law* xem *Quasi-contract* như một công cụ thiết yếu để ngăn chặn sự làm lợi không chính đáng, pháp luật Việt Nam không có khái niệm tương tự với *Quasi Contract*. Tuy nhiên, các quy định về “nghĩa

* TS., Trường đại học Ngoại thương.

** Sinh viên Luật Thương mại quốc tế, Trường đại học Ngoại thương.

¹ Henderson, *Promises Grounded in the Past: The Idea of Unjust Enrichment and the Law of Contracts*, 57 VA. L. REV. 1115, 1971, 1135 n.88.

² Timothy J. Sullivan, *The Concept of Benefit in the Law of QuasiContract*, The Georgetown Law Journal, Vol. 64 No. 1, 10/1975, p. 2.

“*Quasi-contract*” là một khái niệm trong khoa học pháp lý về luật hợp đồng, về bản chất, đây là định nghĩa ám chỉ trạng thái “gần như hợp đồng”, các tiêu chí của hợp đồng được tạo ra bởi Tòa án để áp dụng nguyên tắc đối xử công bằng, từ đó tạo ra nghĩa vụ giữa hai bên.

vụ hoàn trả” và “nghĩa vụ không phát sinh từ hợp đồng” trong Bộ luật Dân sự năm 2015 có thể được xem là cơ sở pháp lý gần gũi nhất với khái niệm này. Mặc dù các quy định này có bản chất tương tự Quasi-contract, nhưng phương thức áp dụng và cách thức giải quyết các tranh chấp liên quan đến lợi ích không hợp pháp hoặc không căn cứ pháp lý lại có sự khác biệt đáng kể giữa hai hệ thống pháp luật này.

Bài viết sẽ phân tích một số điểm tương đồng và khác biệt cơ bản giữa Quasi-contract trong pháp luật Anh và những quy định tương tự trong pháp luật Việt Nam. Qua đó, làm rõ cách thức hai hệ thống pháp luật tiếp cận và xử lý các tình huống không có hợp đồng nhưng lại phát sinh nghĩa vụ giữa các bên.

2. Tổng quan về Quasi-contract

2.1. Khái niệm Quasi-contract

“Quasi-contract” có thể được hiểu như là một thỏa thuận hồi tố giữa hai bên không có nghĩa vụ trước đó với nhau. Về bản chất, đây là định nghĩa nhằm chỉ trạng thái “gần như hợp đồng” (implied by law hay *assumpsit*), các tiêu chí của hợp đồng được xem xét bởi Tòa án để áp dụng nguyên tắc đối xử công bằng, từ đó tạo ra nghĩa vụ giữa hai bên. Theo từ điển pháp lý, “Quasi-contract” còn được gọi là “Chuẩn hợp đồng”. Loại hợp đồng này dựa trên lý thuyết về đối xử công bằng, mà ở đó, sự hưởng lợi không chính đáng và sự mất mát không công bằng sẽ bị ngăn chặn³. Do đó, hiểu về bản chất, đây là loại hợp đồng không có thật, chỉ được tạo ra bởi tòa án để áp dụng

nguyên tắc đối xử công bằng, từ đó phát sinh nghĩa vụ giữa hai bên.

Ở các quốc gia theo hệ thống luật thành văn (Civil Law), các nhà lập pháp luôn cố gắng điều chỉnh các điều luật và tăng cường các biện pháp bảo vệ nhằm hạn chế tối đa tính chất bất hợp lý trong các giao dịch⁴. Hai chế định *La gestion d'affaires* (quản lý sự vụ - thực hiện công việc không có ủy quyền) và *Le paiement de l'indu* (chi phí bất phụ trái - trao nhằm lợi ích/ tài sản cho người khác) bắt nguồn từ pháp luật La Mã, đã tồn tại lâu đời trong pháp luật của Pháp. Các chế định tương tự cũng đã xuất hiện trong các quốc gia theo truyền thống Civil Law. Vào cuối thế kỷ XIX, theo lý thuyết của Friedrich Carl von Savigny, việc hưởng lợi từ tài sản không có căn cứ pháp lý được công nhận là một nguồn nghĩa vụ độc lập trong các hệ thống pháp luật như Đức và Thụy Sĩ⁵.

Do đó, “Quasi-contract” giải quyết các tình huống trong đó không có hợp đồng chính thức nhưng vẫn phát sinh nghĩa vụ pháp lý giữa các bên. Điều này giúp bảo vệ quyền lợi của các bên và ngăn chặn sự hưởng lợi không chính đáng. “Quasi-contract” được hình thành dựa trên 3 yếu tố đó là⁶:

⁴ Nguyễn Phan Phương Tần, *Bảo vệ quyền của người dùng trong hợp đồng cấp quyền người dùng*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 44.

⁵ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân Luật Lược Khảo. Quyển II: Khế ước và Nghĩa vụ*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1963, tr. 415.

⁶ Bonafidelaw, *Luật Hợp đồng (common law) (P2) – Phân biệt implied-in-fact contract và implied-in-law contract*, 9/2/2017, <https://bonafidelawblog.wordpress.com/2017/02/09/luat-hop-dong-p2-phan-biet-implied-in-fact-contract-va-implied-in-law-contract/>, truy cập ngày 19/12/2024.

³ J. A. Clarence Smith, *Quasi Contract*, The Modern Law Review, Vol 19, May 1956, p. 255.

Thứ nhất, lợi ích được cung cấp với kỳ vọng hợp lý về sự bồi thường. Nguyên đơn (bên bị thiệt hại) đã cung cấp lợi ích cho bị đơn (bên hưởng lợi). Nguyên đơn có kỳ vọng hợp lý rằng lợi ích này sẽ được bồi thường hoặc trả công. Kỳ vọng này phải hợp lý từ góc nhìn khách quan, nghĩa là một người bình thường trong hoàn cảnh tương tự cũng sẽ có kỳ vọng tương tự.

Ví dụ: Một người thợ sửa ống nước vô tình đến sửa ống nước nhầm nhà của người khác, nhưng người này vẫn chấp nhận để thợ làm việc mà không nói rõ lỗi nhầm lẫn. Trong trường hợp này, người thợ sửa ống nước có kỳ vọng hợp lý được trả công.

Thứ hai, bị đơn nhận biết rõ ràng hoặc ngầm hiểu rằng mình đang nhận được lợi ích. Sự chấp nhận này có thể được biểu hiện qua hành vi hoặc hoàn cảnh.

Người chủ nhà trong ví dụ trên biết rằng thợ sửa ống nước đang sửa chữa và không phản đối, tức là đã chấp nhận lợi ích.

Thứ ba, bị đơn đã thu được những lợi ích bị xem là không công bằng trong khi mà nguyên đơn không được bù đắp xứng đáng.

Trong ví dụ trên, nếu người thợ sửa ống nước không được trả tiền công thì điều này tạo ra sự bất công vì chủ nhà đã hưởng lợi từ công việc mà không chi trả gì cả.

2.2. Đặc điểm của Quasi-contract

Thứ nhất, về cơ sở phát sinh thì Quasi-contract không phải là hợp đồng thực sự. Quasi-contract không dựa trên sự thỏa thuận hay đồng ý của các bên như trong một hợp đồng thông thường. Thay vào đó, nó tạo thành một cơ chế pháp lý do cơ quan tư pháp thiết lập để ngăn chặn sự bất bình đẳng hoặc tổn hại. Chính vì vậy, nếu đã có

hợp đồng thực tế thì Quasi-contract sẽ không được xem xét đến⁷.

Thứ hai, về quan hệ pháp lý giữa hai chủ thể. Dù không có hợp đồng chính thức, Quasi-contract vẫn tạo ra nghĩa vụ pháp lý giữa các bên liên quan. Đó là quan hệ giữa một bên được lợi và một bên bị thiệt hại, với sự tương ứng giữa lợi ích thu được và tổn thất gây ra. Mục tiêu là đối xử công bằng hay khắc phục sự bất công, Quasi-contract được xây dựng dựa trên nguyên tắc “không ai được hưởng lợi từ tổn thất của người khác” (no one may enrich himself unjustly at the expense of another), nhằm mục đích “phục hồi công lý” giữa các bên⁸.

Thứ ba, góp phần khôi phục thiệt hại cho nguyên đơn. Quasi-contract được pháp luật căn cứ dựa trên việc đánh giá khoản lợi mà bị đơn đã thu được và yêu cầu bị đơn từ bỏ khoản lợi đó. Tuy nhiên, nhiều nhà luật học cho rằng khoản lợi này thường phản ánh chính xác mức độ thiệt hại mà nguyên đơn phải chịu. Vì vậy, chế định này vẫn có khả năng giúp nguyên đơn bù đắp tổn thất của mình. Theo cách tiếp cận này, chức năng của chế định bồi thường thiệt hại và chế định hoàn trả do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đều tương đồng, cùng hướng đến mục tiêu “phục hồi công lý” (*corrective justice*) giữa các bên⁹.

⁷ Peter Birks, *Unjust Enrichment 2nd ed*, Oxford: Oxford University Press, 2005, p. 271.

⁸ James Gordley, *Unjust enrichment: A comparative perspective and a critique*, Research Handbook on Unjust Enrichment and Restitution, Edward Elgar Publishing Limited, 2020, pp. 41-42.

⁹ Graham Virgo, *The Principles of the Law of Restitution*, Oxford University Press, United States of America, 2015, p. 4.

3. Quasi-contract trong pháp luật Anh

3.1. Lịch sử hình thành của pháp luật Anh về Quasi-contract

Trong pháp luật của Anh, nguồn pháp luật gồm có tục lệ, án lệ và văn bản luật¹⁰. Trong đó, án lệ là nguồn pháp luật quan trọng nhất, là những quyết định của thẩm phán có giá trị như luật trong hệ thống pháp luật châu Âu (Common law), thường được gọi là luật án lệ, tức là luật do thẩm phán tạo ra. Trong hệ thống luật của Anh, không có các bộ luật về Dân sự, Thương mại, Hình sự... nhưng cũng có rất nhiều đạo luật được ban hành. Vì án lệ rất quan trọng trong hệ thống pháp luật Anh, nên khi phải giải quyết một vấn đề pháp lý, các luật gia phải phân tích án lệ để biết rõ tình trạng hiện thời của án lệ đối với vấn đề cần phải giải quyết¹¹.

Trước thế kỉ XIV, Tòa án Hoàng gia Anh đã phải thụ lý và giải quyết nhiều loại khiếu kiện yêu cầu hoàn trả tài sản không dựa trên quan hệ hợp đồng nhưng cũng không tồn tại bất cứ hành vi bất hợp pháp nào giữa các bên, đặc biệt là các khiếu kiện *assumpsit*¹². Thời điểm đó, Tòa án chưa tìm được một luận thuyết pháp lý nào thỏa đáng làm cơ sở để có được đường lối xét xử nhất quán và vững chắc trong những tranh chấp như vậy¹³.

Do vậy, bước ngoặt quan trọng hình thành Quasi-contract ở Anh Quốc đó là phán quyết của Lord Mansfield trong vụ *Moses v. Macferlan* năm 1760. Đây là lần đầu tiên những giả định và lập luận mơ hồ trong lý thuyết về hợp đồng được làm rõ. Trong phán quyết này, Lord Mansfield đã đưa ra một nguyên tắc mới để giải quyết các tranh chấp, nhấn mạnh rằng quyết định phải dựa trên công lý và lương tâm¹⁴.

Mặc dù nền tảng của nguyên tắc này dựa trên câu châm ngôn của người La Mã “không ai được hưởng lợi từ tổn thất của người khác” (no one may enrich himself unjustly at the expense of another) đã từng được luật gia Pomponius nhắc đến trong Pháp điển *Digeste* (50.17.20) với câu: “Theo tự nhiên, lẽ công bằng là không ai có thể làm giàu từ tổn thất và thiệt hại của người khác” (*Jure naturae aequum est neminem cum alterius detrimento et injuria fieri locupletiores*), nhưng ý tưởng này chưa bao giờ được hệ thống hóa rõ ràng¹⁵. Phán quyết của Lord Mansfield đã khái quát hóa nguyên tắc này, đặt nền móng cho sự phát triển của học thuyết về được lợi bất chính đáng (*unjust enrichment*) trong các quốc gia theo truyền thống Common Law và học thuyết được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật (*enrichissement sans cause légitime*) trong các quốc gia theo truyền thống Civil Law¹⁶.

¹⁰ Nguyễn Quốc Hoàn (Chủ biên), *Luật So sánh*, Nxb. Công an Nhân dân, 2009, tr. 258.

¹¹ Nguyễn Đăng Dung, *Hệ thống pháp luật án lệ Anh - Mỹ và việc áp dụng cho Việt Nam*, VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 36, No. 4 1-6, 2020, tr. 2-3.

¹² Khiếu kiện *assumpsit*: Khiếu kiện đòi bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng miệng hoặc hợp đồng suy đoán.

¹³ David Ibbetson, *Development at common law*, Research Handbook on Unjust Enrichment and

Restitution, Edward Elgar Publishing Limited, 2020, pp. 29-40.

¹⁴ *Moses v. Macferlan* (1760), 97 Eng. Rep. 676.

¹⁵ Keith Turner, *The Law of Restitution: By Sir Robert Goff and Gareth Jones*, Manitoba Law Journal, Vol.10, No.3, 1980, pp. 327 – 331.

¹⁶ David Ibbetson (2020), *ltd.*

3.2. Các trường hợp Quasi-contract

Trên cơ sở nguyên tắc “không ai được hưởng lợi từ tổn thất của người khác”, hệ thống pháp luật Anh đã phát triển các trường hợp áp dụng Quasi-contract nhằm ngăn chặn việc hưởng lợi không chính đáng và đảm bảo sự công bằng giữa các bên. Dưới đây là những trường hợp điển hình minh họa cho cách Quasi-contract được áp dụng trong thực tiễn pháp lý.

Thù lao xứng đáng (Quantum Meruit)

Nửa đầu thế kỷ XVII, người ta đã chứng kiến một vụ kiện về *thù lao xứng đáng* không dựa trên cơ sở một hợp đồng – vụ bác sĩ Keck. Theo đó, bị đơn đã tuyên bố một cách rõ ràng sẽ trả một khoản tiền cố định, nhưng lời hứa đó không có khả năng thực hiện được. Người ta cho rằng, nguyên đơn có thể thu hồi khoản tiền tương ứng với dịch vụ/hàng hóa anh ta cung cấp, bất luận bị đơn có đưa ra lời hứa một cách rõ ràng hay ngầm định về việc sẽ thanh toán bất cứ khoản tiền nào ngoài khoản tiền cố định trên hay không¹⁷.

Như vậy xuất phát từ tiếng Latin, *thù lao xứng đáng* có nghĩa là một bên phải trả công bằng giá trị dịch vụ đã được cung cấp, dù không có hợp đồng. Nguyên tắc này áp dụng trong các trường hợp khi một người đã cung cấp dịch vụ hoặc hàng hóa với kỳ vọng được trả tiền hợp lý, dù không có hợp đồng chính thức. Nguyên tắc này đảm bảo rằng các cá nhân được bồi thường công bằng cho công việc đã thực hiện dưới

niềm tin sai lầm hoặc thỏa thuận không chính thức¹⁸.

Được lợi không chính đáng (Unjust Enrichment)

Được lợi không chính đáng được định nghĩa là việc một người được hưởng lợi một cách không công bằng do tình cờ, sai sót hoặc sự kém may mắn của người khác. Điều này dẫn đến một bên được lợi và một bên chịu thiệt hại, với mối liên hệ chặt chẽ giữa hai trạng thái này. Trong những trường hợp như vậy, chế định được lợi không chính đáng yêu cầu bên được lợi phải hoàn trả khoản lợi ích không chính đáng cho bên bị thiệt hại¹⁹. Đây là trung tâm của Quasi-contract, đảm bảo rằng các cá nhân không được phép giữ lại lợi ích mà họ thu được một cách sai trái.

Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên trong hệ thống Common Law chính thức công nhận chế định được lợi không chính đáng, sau đó đến Anh và nhiều quốc gia khác²⁰.

Tiền đã nhận và thu giữ (Money had and received)

Các yêu cầu tiền đã nhận và thu giữ là một yêu cầu trong luật Common Law được phát sinh từ hình thức yêu cầu có tên là *indebitatus assumpsit*. Dùng để chỉ hành động yêu cầu trả lại tiền mà một bên đã nhận được một cách sai lầm hoặc không

¹⁷ David Ibbetson (2020), *tlđđ*, p. 31.

¹⁸ Charles Mitchell & Paul Mitchell, *Landmark Cases in the Law of Restitution*, Hart Publishing, North America, 2006, p. 20.

¹⁹ Nguyễn Ngọc, *Tiêu chí nhận diện và hệ quả pháp lý của việc chiếm hữu, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 02+03 (402+403) tháng 2/2020, tr. 36 - 42.

²⁰ Kit Barker, Ross Grantham, *Unjust Enrichment (2nd ed)*, LexisNexis Butterworths, 2018, p.5.

hợp pháp. Các hình thức hành động pháp lý như tiền đã nhận và thu giữ đã bị bãi bỏ vào giữa thế kỷ XIX, tuy nhiên, mặc dù các hình thức này không còn tồn tại trong hệ thống pháp lý hiện đại, nhưng người ta vẫn sử dụng và tham khảo tiền đã nhận và thu giữ trong các tranh chấp pháp lý ngày nay khi lập luận trong các đơn kiện yêu cầu trả lại tiền²¹.

4. Một số quy định tương tự Quasi-contract trong pháp luật Việt Nam

Khái niệm Quasi-contract²² không được đề cập một cách trực tiếp cụ thể như trong pháp luật Anh, nhưng trong pháp luật Việt Nam vẫn có những quy định tương tự về nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả, đặc biệt trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Những quy định này cũng có bản chất tương tự như Quasi-contract trong luật Anh, nơi mà nghĩa vụ pháp lý được thiết lập không dựa trên một hợp đồng rõ ràng mà dựa trên nguyên tắc công bằng.

Thứ nhất, Quasi-contract trong hệ thống Common Law được xây dựng trên nguyên tắc được lợi không chính đáng, nhằm đảm bảo sự công bằng rằng một bên không được phép giữ lại lợi ích mà không có cơ sở pháp lý. Nguyên tắc này tập trung vào việc ngăn chặn sự bất công khi một bên hưởng lợi từ thiệt hại của bên khác mà không có sự công nhận hợp pháp cho lợi ích đó. Cụ thể, nếu một bên nhận được lợi ích từ một bên khác mà không có thỏa thuận hoặc căn cứ pháp lý, bên nhận lợi sẽ

có nghĩa vụ hoàn trả tài sản hoặc giá trị đã nhận để đảm bảo sự công bằng.

Tương tự, pháp luật Việt Nam cũng được xây dựng trên các nguyên tắc lẽ công bằng và thiện chí, trung thực tại Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015. Những nguyên tắc này không chỉ xuất hiện trong các quy định chung mà còn thể hiện rõ trong các tình huống cụ thể. Một minh chứng là Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ hoàn trả tài sản khi một bên chiếm hữu, sử dụng hoặc nhận được lợi ích từ tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp lý. Điều khoản này giúp đảm bảo quyền lợi cho bên bị thiệt hại, đồng thời duy trì sự công bằng trong các giao dịch dân sự. Ngoài ra, nguyên tắc lẽ công bằng trong Bộ luật Dân sự còn cho phép giải quyết các tình huống pháp lý mà pháp luật chưa quy định cụ thể nhưng cần thiết để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên. Trong những trường hợp này, nghĩa vụ có thể phát sinh từ hoàn cảnh thực tế, chẳng hạn như hoàn trả lợi ích không chính đáng. Điều này thể hiện sự tương đồng về mặt bản chất giữa Quasi-contract trong Common Law và các quy định pháp luật của Việt Nam. Cả hai đều hướng tới mục tiêu bảo vệ công bằng, tránh tình trạng làm giàu không chính đáng và duy trì sự cân bằng trong các quan hệ pháp lý.

Một ví dụ cụ thể là trường hợp ngân hàng chuyển nhầm tiền vào tài khoản cá nhân xảy ra tại Tp. Hồ Chí Minh. Vào ngày 28/2/2024, Công an quận Tân Phú đã bắt tạm giam Nguyễn Tâm Duy (sinh năm 1983) về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Trong trường hợp này, ngân hàng dự định chuyển 1,5 triệu đồng nhưng đã nhầm lẫn

²¹ Cf. Graham Virgo, *The Principles of the Law of Restitution (3rd ed)*, Oxford University Press, 2015.

²² Hiện nay chưa có cách dịch thống nhất về thuật ngữ Quasi-contract, nhóm tác giả tạm dịch là “Chuẩn hợp đồng”, hoặc có thể dịch là “Hợp đồng giả định”.

chuyển 1,5 tỷ đồng vào tài khoản của Duy. Thay vì thông báo và trả lại số tiền nhận nhầm, Duy đã rút và sử dụng số tiền này cho mục đích cá nhân. Việc Duy cố tình giữ và sử dụng số tiền không thuộc về mình là hành vi được lợi không chính đáng, vi phạm quy định pháp luật. Hành vi này dẫn đến việc ngân hàng khởi kiện và cơ quan chức năng yêu cầu Duy hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận nhầm²³. Việc Duy không trả lại số tiền nhận nhầm đã vi phạm quy định tại Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015, dẫn đến việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Thứ hai, đó chính là về nghĩa vụ phát sinh không dựa trên hợp đồng mà từ hoàn cảnh thực tế. Trong hệ thống pháp luật Anh, quasi-contract giả định nghĩa vụ tồn tại như thể có hợp đồng. Tương tự, Bộ luật Dân sự Việt Nam cũng quy định nghĩa vụ hoàn trả trong các tình huống không có hợp đồng, xuất phát từ các hoàn cảnh thực tế. Như tại Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự, trong đó có các trường hợp phát sinh nghĩa vụ không dựa trên hợp đồng giữa các bên mà dựa trên các hoàn cảnh thực tế hoặc hành vi pháp lý cụ thể. Những căn cứ này bao gồm: Một là, hành vi pháp lý đơn phương; Một bên thực hiện hành vi pháp lý mà không cần sự đồng ý hoặc hợp đồng của bên còn lại (ví dụ như một thông báo, tuyên bố hay hành vi khác có hiệu lực pháp lý).

²³ Phạm Dũng, *TP HCM: Ngân hàng chuyển nhầm 1,5 triệu đồng thành 1,5 tỉ đồng vào tài khoản khách hàng*, 28/2/2024, https://nld.com.vn/tp-hcm-ngan-ha-ng-chuyen-nham-15-trieu-dong-thanh-15-ti-dong-va-o-tai-khoan-khach-hang-196240228120333432.htm?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 20/1/2025.

Hai là, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật: Là trường hợp một bên chiếm hữu, sử dụng hoặc nhận lợi từ tài sản mà không có quyền pháp lý hay căn cứ hợp pháp để làm vậy. Liên quan đến căn cứ này, các quy định trong Chương XX Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” nhưng thường tập trung vào các thiệt hại tổn thất tinh thần chỉ áp dụng trong những tình huống nhất định (như thiệt hại sức khỏe, danh dự) và chưa phổ biến trong các vụ việc thương mại. Điều này làm hạn chế khả năng yêu cầu bồi thường đối với các thiệt hại không mang tính trực tiếp hoặc tổn thất về cơ hội kinh doanh trong thương mại.

Ba là, gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật: Nghĩa vụ phát sinh khi một bên gây thiệt hại cho bên khác thông qua hành vi vi phạm pháp luật. Ví dụ, trong bản án 650/2022/DS-PT ngày 04/11/2022 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án giữa Công ty THP (nguyên đơn) và Báo P. (bị đơn)²⁴. Vụ án này bắt đầu từ việc Công ty THP yêu cầu Báo P. gỡ bỏ bài báo với tiêu đề “THP ‘mua’ đất của nạn nhân vụ phở H ra sao?” vì bài báo này bị cho là sai sự thật, gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của THP. Công ty THP yêu cầu bị đơn phải cải chính công khai và gỡ bỏ bài báo trên. Bị đơn (Báo P.) kháng cáo về thẩm quyền của Tòa án Quận 3, và Báo P. cũng khẳng định rằng

²⁴ Bản án về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số 650/2022/DS-PT, https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-boi-thuong-thiet-hai-ngoai-hop-dong-so-6502022dspt-285152?rel=ban_an_chitietvb, truy cập ngày 18/01/2025.

bài báo không sai sự thật và không gây tổn hại đến THP. Tuy nhiên, trong phiên phúc thẩm, Tòa án nhận định rằng yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trong trường hợp này, bài báo được đăng tải có thể đã vi phạm các quy định về bảo vệ danh dự, uy tín và thông tin sai lệch trong pháp luật Việt Nam, nhất là theo các quy định về trách nhiệm của tổ chức báo chí và quyền cá nhân theo Bộ luật Dân sự, gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của công ty. Do vậy, dù không có hợp đồng giữa hai bên thì vẫn phát sinh nghĩa vụ dân sự theo Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ ba, về nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Theo Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định để phát sinh nghĩa vụ hoàn trả trong trường hợp “được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”, cần phải đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau: (i) Có một người được hưởng lợi từ tài sản; (ii) Việc được hưởng lợi này không có căn cứ pháp lý; (iii) Việc hưởng lợi đó xảy ra trên cơ sở thiệt hại của người khác; và (iv) Không thuộc trường hợp xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu. Có ý kiến nhận định rằng điều luật này không quy định rõ về mối quan hệ giữa khoản được lợi của bị đơn và mức độ thiệt hại của nguyên đơn. Tuy nhiên, có thể hiểu rằng, giữa hai yếu tố này phải có mối quan hệ “*nhân quả với nhau*”²⁵. Ví dụ, trong Bản án số 02/2021/DS-PT ngày 07/01/2021 về kiện

đòi lại tài sản. Trong vụ án này, gia đình ông Trần Q khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai trả lại diện tích đất bị chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Tòa án đã xem xét và đưa ra phán quyết dựa trên các quy định liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả tài sản chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.

Thứ tư, Điều 574 Bộ luật Dân sự năm 2015 và nguyên tắc của Quasi-contract đều phản ánh một nguyên lý chung về việc bảo vệ quyền lợi của người thực hiện công việc cho người khác mà không có sự ủy quyền hay hợp đồng chính thức. Theo Điều 574 Bộ luật Dân sự năm 2015, trong những trường hợp khẩn cấp hoặc cần thiết, nếu một người tự ý thực hiện công việc của người khác để ngăn ngừa thiệt hại hoặc bảo vệ lợi ích của người đó, người thực hiện công việc có quyền yêu cầu bên được hưởng lợi phải bồi hoàn chi phí hợp lý. Đây là quy định mang tính chất tương tự như Quasi-contract, trong những trường hợp không có hợp đồng rõ ràng nhưng pháp luật vẫn tạo ra một nghĩa vụ hoàn trả dựa trên cơ sở công lý và hợp lý.

Việc thực hiện công việc không có ủy quyền cũng là căn cứ phát sinh nghĩa vụ. Theo Điều 274: “Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể phải thực hiện công việc vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác”. Từ đó có thể thấy, khi một bên tự nguyện thực hiện công việc của người khác để tránh thiệt hại hoặc mang lại lợi ích cho người đó, việc này tạo ra cơ sở để phát sinh nghĩa vụ cho cả hai bên, dù không có hợp đồng hoặc ủy quyền trước đó. Trong trường hợp này, xuất phát từ tính chất chủ động và tự nguyện, pháp luật không yêu cầu người

²⁵ Đỗ Văn Đại, *Luật Nghĩa vụ và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Việt Nam: Bản án và bình luận bản án* – Tập 1, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2017, tr. 121.

thực hiện công việc phải tạo ra lợi ích thực tế, nhưng lại quy định nghĩa vụ của người có công việc được thực hiện trong việc trả thù lao và thanh toán các chi phí hợp lý mà người thực hiện đã bỏ ra, ngay cả khi kết quả đạt được không như mong muốn (Điều 576 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Ví dụ, một người tự nguyện sửa chữa nhà cửa hoặc phương tiện giao thông của người khác trong tình huống khẩn cấp, ví dụ như trong một cơn bão lớn, mái nhà của hàng xóm bị hư hỏng nghiêm trọng và có nguy cơ gây thiệt hại lớn hơn nếu không được khắc phục kịp thời. Người hàng xóm không có mặt tại thời điểm đó, nhưng một người gần đó (người thực hiện công việc) đã chủ động sửa chữa để ngăn ngừa thiệt hại thêm. Trong tình huống này, dù không có hợp đồng hoặc sự ủy quyền từ chủ sở hữu, hành vi sửa chữa của người thực hiện công việc vẫn được coi là hợp pháp và nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu (người có công việc). Theo quy định tại Điều 576 Bộ luật Dân sự năm 2015, người có công việc phải chịu nghĩa vụ trả thù lao hoặc bồi hoàn các chi phí hợp lý mà người thực hiện đã bỏ ra.

Khác với nhiều quốc gia thuộc hệ thống Common Law như Anh, nguyên tắc xét xử theo lẽ công bằng của nước ta chỉ được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều đó có nghĩa, nguyên tắc này chỉ được áp dụng trong các quan hệ pháp luật dân sự, còn trong Hình sự thì không có quy định này. Hơn nữa, việc áp dụng lẽ công bằng cũng rất hạn chế; theo đó, Tòa án chỉ áp dụng lẽ công bằng trong những trường hợp không có tập quán và khi không thể áp dụng được nguyên tắc tương tự pháp luật (theo

khoản 2 Điều 6 Bộ luật Dân sự). Giả sử, A nhằm lẫn chuyên cho B một khoản tiền lớn để thanh toán cho một dịch vụ mà B không thực hiện. B đã nhận số tiền này nhưng không có nghĩa vụ để hoàn trả vì không có hợp đồng. Tuy nhiên, với sự áp dụng của nguyên tắc lẽ công bằng, A có thể yêu cầu B hoàn trả lại số tiền đó, vì việc B giữ số tiền mà không có căn cứ pháp lý là không công bằng.

Mặc dù các quy định liên quan đến Quasi-contract tồn tại trong Bộ luật Dân sự, nhưng thực tế áp dụng còn hạn chế. Các vụ kiện liên quan đến lợi ích không có căn cứ pháp luật hoặc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thường không được nhận diện rõ ràng dưới danh nghĩa Quasi-contract. Và ở Việt Nam, đây vẫn là một khái niệm còn khá mới mẻ và thiếu sự hướng dẫn chi tiết trong các quy định pháp luật nước ta.

5. Sự khác biệt giữa pháp luật Anh và Việt Nam về Quasi-contract

Về nguồn gốc pháp lý, Quasi-contract phát sinh nghĩa vụ pháp lý từ nguyên tắc công bằng để tránh việc được lợi không chính đáng và dựa trên án lệ do thẩm phán đưa ra dựa trên hoàn cảnh của từng vụ việc. Việt Nam không có khái niệm Quasi-contract mà phát sinh nghĩa vụ từ hành vi thực tế hoặc các tình huống không có hợp đồng rõ ràng. Việt Nam sử dụng các quy định về hoàn trả và bồi thường trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Các quy định này dựa trên nền tảng của Civil Law, tập trung vào các nguyên tắc bồi thường thiệt hại và hoàn trả lợi ích, nhưng thiếu sự độc lập và linh hoạt của Quasi-contract trong Common Law. Vì vậy, Việt Nam chủ yếu dựa vào các điều luật như Điều 275, 579 Bộ luật Dân sự

năm 2015 để áp dụng các nghĩa vụ hoàn trả khi không có hợp đồng.

Về phạm vi áp dụng, Quasi-contract trong Common Law (pháp luật Anh) được áp dụng linh hoạt và mở rộng qua án lệ. Các thẩm phán có quyền diễn giải dựa trên hoàn cảnh và đưa ra phán quyết dựa trên tiền lệ và lẽ công bằng. Điều này có nghĩa là Quasi-contract có thể áp dụng cho nhiều tình huống không có hợp đồng rõ ràng, miễn là bên bị thiệt hại có thể chứng minh rằng một bên khác đã làm giàu không chính đáng từ tài sản của họ. Pháp luật của Việt Nam có các quy định cụ thể về hoàn trả và bồi thường, nhưng không có một cơ chế linh hoạt như Quasi-contract. Tòa án chỉ áp dụng các quy định về hoàn trả và bồi thường khi có điều khoản cụ thể trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và thường dựa vào luật thành văn nhiều hơn là án lệ. Điều này khiến cho khả năng áp dụng lẽ công bằng của tòa án Việt Nam bị giới hạn hơn so với pháp luật Anh, và chỉ được sử dụng như một công cụ phụ trợ khi không có điều khoản áp dụng hoặc không có tập quán.

Tại Việt Nam, mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể, nhưng số lượng tranh chấp liên quan đến chế định nghĩa vụ hoàn trả do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật là rất ít. Ngay cả trong các vụ án mà chế định này có vai trò quan trọng làm cơ sở cho phán quyết hoặc quyết định của Tòa án, dường như chế định này vẫn chưa được biết đến và áp dụng rộng rãi. Một minh chứng rõ ràng cho luận điểm này là Án lệ số 09/2016/AL, liên quan đến hợp đồng mua bán phôi thép giữa nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đã thanh toán đầy đủ tiền hàng, nhưng bị đơn không giao đủ số lượng thép

theo hợp đồng và thậm chí không giao trong một số hợp đồng. Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền tương ứng với số hàng chưa giao, thanh toán tiền phạt vi phạm và lãi quá hạn và xuất hóa đơn cho số hàng đã giao. Bị đơn phản đối, cho rằng trách nhiệm thanh toán thuộc về chủ sở hữu cũ của công ty, dựa trên cam kết giữa các bên khi chuyển nhượng cổ phần. Người điều hành mới của bị đơn cho biết đang cố gắng yêu cầu chủ sở hữu cũ thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Dù pháp luật hợp đồng chỉ quy định nghĩa vụ hoàn trả trong trường hợp hợp đồng vô hiệu hoặc bị hủy bỏ, Tòa án vẫn buộc bị đơn hoàn trả số tiền trên cơ sở bị đơn không thực hiện đúng cam kết. Quyết định này chủ yếu dựa vào các quy định về bồi thường và phạt vi phạm trong Luật Thương mại, thay vì viện dẫn rõ ràng nghĩa vụ hoàn trả – nền tảng pháp lý quan trọng trong vụ việc.

Mặc dù cả Quasi-contract và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Việt Nam đều đề cập đến nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng, nhưng cách áp dụng của chúng trong tranh chấp khác nhau. Đối với Quasi-contract, dựa trên nguyên tắc được lợi không chính đáng, không yêu cầu phải có thiệt hại thực tế hay hành vi trái pháp luật. Nguyên tắc này tập trung vào việc đảm bảo công bằng, yêu cầu bên nhận được lợi ích mà không có căn cứ pháp lý phải hoàn trả tài sản hoặc lợi ích đó để ngăn chặn sự bất công. Trong khi đó, theo pháp luật Việt Nam, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015) yêu cầu phải có hành vi vi phạm như vi phạm hợp đồng hoặc xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người khác;

thiệt hại thực tế xảy ra, không chỉ là mất lợi ích mà còn phải chứng minh được tổn thất cụ thể. Quasi-contract giúp bảo vệ quyền lợi trong trường hợp một bên nhận được lợi ích không hợp pháp, còn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng yêu cầu chứng minh cụ thể thiệt hại và hành vi vi phạm để bảo vệ quyền lợi của các bên.

6. Kết luận

Tóm lại, Quasi-contract trong pháp luật Anh và các quy định tương tự trong pháp luật Việt Nam đều hướng đến việc bảo vệ quyền lợi của bên bị thiệt hại khi không có hợp đồng chính thức. Tuy nhiên, sự khác biệt về cách tiếp cận và cơ sở pháp lý đã tạo ra những khác biệt nhất định trong phạm vi và cơ chế áp dụng.

Trong thực tế, Việt Nam đang ngày càng chứng kiến các vụ tranh chấp liên quan đến tài sản hoặc lợi ích giữa các bên mà không có hợp đồng chính thức, hoặc trong các tình huống mà hợp đồng chưa ký kết nhưng một bên đã được hưởng lợi ích từ việc cung cấp dịch vụ, tài sản hoặc lợi ích mà không có sự thoả thuận rõ ràng. Việc thiếu quy định pháp lý rõ ràng về Quasi-contract khiến các Tòa án gặp khó khăn trong việc giải quyết những tranh chấp này. Ví dụ, trong các tình huống được lợi không chính đáng, một bên có thể nhận được lợi ích tài sản mà không có cơ sở hợp pháp. Nếu không có quy định về Quasi-contract, Tòa án sẽ phải áp dụng những nguyên tắc pháp lý khác (như bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hoặc phạt vi phạm hợp đồng), nhưng sẽ thiếu đi một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, dẫn đến quyết định có thể không đồng nhất hoặc không công bằng.

Việt Nam hiện đang là thành viên của nhiều hiệp định thương mại quốc tế lớn như

CPTPP²⁶, EVFTA²⁷, RCEP²⁸. Các hiệp định này không chỉ mở rộng quan hệ thương mại mà còn yêu cầu các quốc gia thành viên phải điều chỉnh hệ thống pháp lý sao cho phù hợp với các nguyên tắc quốc tế, đặc biệt trong các vấn đề về giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền lợi các bên. Để duy trì sự công bằng trong các giao dịch thương mại quốc tế, việc xây dựng quy định về Quasi-contract sẽ giúp Việt Nam hòa nhập với các hệ thống pháp lý quốc tế, từ đó giúp bảo vệ quyền lợi của các bên trong tranh chấp và làm tăng tính ổn định của môi trường pháp lý. Điều này đặc biệt quan trọng khi Việt Nam là điểm đến của nhiều nhà đầu tư nước ngoài và có các hiệp định thương mại tự do với các quốc gia có nền pháp lý khác biệt.

Mặc dù có một số khó khăn và thách thức trong việc xây dựng quy định về Quasi-contract, việc bổ sung quy định này sẽ tạo ra một cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc giải quyết tranh chấp, bảo vệ quyền lợi của các bên trong giao dịch không chính thức. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu của thực tế trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại mà còn là một bước đi chiến lược trong hội nhập quốc tế. Do đó, nước ta nên xây dựng quy định về Quasi-contract, nhưng cần phải thực hiện nghiên cứu kỹ lưỡng để xác định cách thức áp dụng và tránh sự chòng chẹo với các quy định hiện hành.

²⁶ CPTPP: Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương.

²⁷ EVFTA: EU-Vietnam Free Trade Agreement là Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu (EU) và Việt Nam.

²⁸ RCEP: Regional Comprehensive Economic Partnership là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực.